

Số: 173/BC-THCSHP

Củ Chi, ngày 31 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT 2022-2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Trung học cơ sở Hòa Phú đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. Quán triệt hệ thống văn bản pháp quy:

- Triển khai đầy đủ nội dung quy chế thực hiện công khai đến toàn thể cán bộ, viên chức trong cuộc họp cơ quan.
- Triển khai hệ thống văn bản liên quan: Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Đơn vị xây dựng Kế hoạch số 173/KH-THCSHP ngày 31/07/2022 về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

II. NHỮNG NỘI DUNG CÔNG KHAI TRONG KẾ HOẠCH CỦA ĐƠN VỊ

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/ học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Theo Biểu mẫu 10).

c) Xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia:

Công khai Quyết định số 1204-12/QĐ-SGDĐT ngày 11/05/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về công nhận trường Trung học cơ sở Hòa Phú đạt Chuẩn quốc gia Mức 1.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục:

Công khai Quyết định thành lập Hội đồng, kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá và Công khai Quyết định số 1042-28/QĐ-SGDĐT ngày 27/04/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về công nhận trường Trung học cơ sở Hòa Phú đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Các khoản chi theo từng năm học:

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường

xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị;

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội;

d) Kết quả kiểm toán: Không có

e) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và cả khóa học.

f) Các nguồn thu ngoài học phí:

Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

g) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học: Không có

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường;
- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp cha mẹ học sinh.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 8 năm 2022 và cập nhật cho đến tháng 12/2022.

Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

3. Đã công khai các nội dung:

Nhà trường đã triển khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai theo quy định.

3.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Đính kèm Biểu mẫu 09.

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Đính kèm Biểu mẫu 10.

c) **Xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia:** Công khai Quyết định số 1204-12/QĐ-SGDĐT ngày 11/05/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về công nhận trường Trung học cơ sở Hòa Phú đạt Chuẩn quốc gia Mức 1.

d) **Kiểm định cơ sở giáo dục:** Công khai Quyết định thành lập Hội đồng, kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá và Công khai Quyết định số 1042-28/QĐ-SGDĐT ngày 27/04/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về công nhận trường Trung học cơ sở Hòa Phú đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.



3.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: Đính kèm Biểu mẫu 11.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Đính kèm Biểu mẫu

12.

3.3. Công khai thu chi tài chính:

- Công khai Quyết định số 16351/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Củ Chi về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 đối với các đơn vị giáo dục và đào tạo huyện.

- Công khai Quyết định phê duyệt mua sắm trang thiết bị và sửa chữa tài sản công năm 2023.

- Công khai nâng lương trước niên hạn năm 2022 và niên hạn năm 2022, 2023.

- Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2022.

- Công khai quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2022.

- Công khai tất cả các loại quỹ về thu-chi ngân sách, nguồn thu sự nghiệp, thu hộ-chi hộ.

- Công khai lương, phụ cấp và trợ cấp khác và các khoản thu nhập khác của CB-GV-NV hàng tháng.

- Công khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022.

IV. VIỆC THỰC HIỆN BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI CỦA NĂM HỌC TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023-2024

Nhà trường báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022-2023 và xây dựng kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024 vào đầu năm học và trong Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2023-2024.

V. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ:

1. Ưu điểm:

- Nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch thực hiện quy chế công khai của năm học 2022-2023 đến tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện công khai của nhà trường.

2. Hạn chế:

Chưa thực hiện tuyên dương, khen thưởng đối với các cá nhân thực hiện tốt quy chế công khai.

VI. ĐỀ NGHỊ: Không.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT (để báo cáo);
- Toàn thể CB, GV, NV, PH;
- Đăng website;
- Niêm yết;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG*Nguyễn Đỗ Phương Bình*

Biểu mẫu 09

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA PHÚ

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

Cù Chi, ngày 02 tháng 08 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Trần Đỗ Phương Bình

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHỈ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA PHÚ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	717	210	182	185	140
1	Tốt	644	204	161	146	133
	(tỷ lệ so với tổng số)	90%	97%	88%	79%	95%
2	Khá	62	6	17	32	7
	(tỷ lệ so với tổng số)	9%	3%	9%	17%	5%
3	Trung bình	5	0	2	3	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1%	0%	1%	2%	0%
4	Yếu	6	0	2	4	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1%	0%	1%	2%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực	717	210	182	185	140
1	Giỏi	226	78	60	43	45
	(tỷ lệ so với tổng số)	32%	37%	33%	23%	32%
2	Khá	271	71	67	73	60
	(tỷ lệ so với tổng số)	38%	34%	37%	39%	43%
3	Trung bình	180	54	45	48	33
	(tỷ lệ so với tổng số)	25%	26%	25%	26%	24%
4	Yếu	35	7	9	17	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	5%	3%	5%	9%	1%
5	Kém	5	0	1	4	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1%	0%	1%	2%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	717	210	182	185	140
1	Lên lớp	677	203	172	164	138
	(tỷ lệ so với tổng số)	94%	97%	95%	89%	99%
a	Học sinh giỏi	226	78	60	43	45
	(tỷ lệ so với tổng số)	32%	37%	33%	23%	32%
b	Học sinh tiên tiến	271	71	67	73	60
	(tỷ lệ so với tổng số)	38%	34%	37%	39%	43%
2	Thi lại	41	7	11	21	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	6%	3%	6%	11%	1%
3	Lưu ban	5	0	1	4	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1%	0%	1%	2%	0%
4	Chuyển trường đến/đi	10	2	5	3	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1%	1%	3%	2%	0%
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
6	học)	7	1	5	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1%	0%	3%	1%	0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	19	1	0	1	17
1	Cấp huyện	15	0	0	0	15
2	Cấp tỉnh/thành phố	4	1	0	1	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	140				140

VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	138				138
1	Giỏi	45				45
	(tỷ lệ so với tổng số)	33%				33%
2	Khá	60				60
	(tỷ lệ so với tổng số)	43%				43%
3	Trung bình	33				33
	(Tỷ lệ so với tổng số)	24%				24%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	79/61	115/95	107/75	99/86	79/61
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	4	7	4	7	4

Củ Chi, ngày 02 tháng 08 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Trần Đỗ Phương Bình

Biểu mẫu 11

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÚ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA PHÚ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	33	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	33	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhỡ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	38	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	26000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	16000	
VI	Tổng diện tích các phòng	3256	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2112	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	384	
3	Diện tích thư viện (m ²)	128	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	600	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	32	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	52	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	13	
1.2	Khối lớp 7	13	
1.3	Khối lớp 8	13	
1.4	Khối lớp 9	13	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	4	
2.2	Khối lớp 7	3	
2.3	Khối lớp 8	6	
2.4	Khối lớp 9	7	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	50m2
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số m ² /bộ
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Bảng tương tác	1	
6	Loa	5	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0
2	Cát xét	5
3	Đầu Video/đầu đĩa	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3
5	Bảng tương tác	1
6	Loa	5

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	128	50	2m2
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	0	6	0	240
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Cù Chi, ngày 02 tháng 08 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Trần Đỗ Phương Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHỈ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA PHÚ

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở, năm học 2022-2023

[illegible]

7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Bảo vệ	0													
10	Phục vụ	0													

Củ Chi, ngày 02 tháng 08 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị



Trần Đỗ Phương Bình

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ
Tài chính

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA PHÚ

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số 29/QĐ-THCS PHP
ngày 25 tháng 01 năm 2022 của trường Trung học cơ sở Hòa Phú
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	503.415.000
	Học phí	503.415.000
2	Phí (Không)	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	928.800.000
I	Chi sự nghiệp	928.800.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	302.049.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-
1	Lệ phí (Không)	-
2	Phí (Không)	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.557.163.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	-
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.557.163.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.567.300.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.989.863.000

Người lập biểu

Võ Minh Phượng

Củ Chi, ngày 02 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG



Trần Đỗ Phương Bình

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA PHÚ

Chương: 622

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài

Trường Trung học cơ sở Hòa Phú công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	503.415.000	137.295.000	97%	100%
1	Lệ phí	503.415.000	-	97%	100%
	Học phí	503.415.000	137.295.000	97%	100%
2	Phí (Không có)				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	302.049.000	-	58%	60%
I	Chi sự nghiệp	302.049.000	-	58%	60%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	302.049.000	-	58%	60%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	-			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-			
1	Lệ phí	503.415.000	-	97%	100%
2	Phí (Không)	-			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.557.163.000	2.546.542.793	100%	100%
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.557.163.000	2.546.542.793	100%	100%
1	Chi quản lý hành chính	-			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			

2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.557.163.000	2.546.542.793	100%	100%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.567.300.000	1.571.021.307	100%	100%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.989.863.000	975.521.486	100%	100%
II	Nguồn vốn viện trợ (Không có)	-	-	-	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài (Không có)	-	-	-	-

Người lập biểu

Võ Minh Phương

Củ Chi, ngày 02 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG



Trần Đỗ Phương Bình

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA PHÚ

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu	2.099.673.805	2.050.113.805
1	Thu phí, lệ phí	931.900.092	931.900.092
	* Tồn mang sang	319.355.092	319.355.092
	* Thu trong năm	612.545.000	612.545.000
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ		
3	Thu viện trợ		
4	Thu sự nghiệp khác	1.167.773.713	1.118.213.713
a	Học phí 2 buổi	448.976.871	448.976.871
	* Tồn mang sang	218.116.871	218.116.871
	* Thu trong năm	230.860.000	230.860.000
b	Kỹ năng sống	384.982.000	384.982.000
	* Tồn mang sang	194.902.000	194.902.000
	* Thu trong năm	190.080.000	190.080.000
c	Cần tin- Xe đạp	246.943.460	246.943.460
	* Tồn mang sang	246.943.460	246.943.460
	* Thu trong năm	0	-
d	Học nghề	1.000.000	1.000.000
	* Tồn mang sang	-	-
	* Thu trong năm	1.000.000	1.000.000
e	Tin học	36.311.382	36.311.382
	* Tồn mang sang	36.311.382	36.311.382
	* Thu trong năm	-	-
f	Phổ cập bơi	49.560.000	49.560.000
	* Tồn mang sang	-	-
	* Thu trong năm	49.560.000	49.560.000
g	Tổ chức quản lý bán trú (Không có)	-	-
II	Số thu nộp NSNN	-	-
1	Thu phí, lệ phí	612.545.000	612.545.000
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ	-	-
3	Hoạt động sự nghiệp khác	-	-
III	Số được để lại chi theo chế độ	1.247.751.846	641.307.686

1	Thu phí, lệ phí	612.545.000	6.100.840
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ	-	-
3	Thu viện trợ	-	-
4	Hoạt động sự nghiệp khác	635.206.846	635.206.846
a	Học phí 2 buổi	283.460.846	283.460.846
b	Kỹ năng sống	301.186.000	301.186.000
c	Cần tin- Xe đạp	-	-
d	Học nghề	1.000.000	1.000.000
e	Tin học	-	-
f	Phổ cập bơi	49.560.000	49.560.000
g	Tổ chức quản lý bán trú (Không cố)	-	-
B	Quyết toán chi NSNN	11.452.497.742	11.325.424.588
	NGUỒN 13	6.605.465.902	6.478.392.748
	Mục, Tiểu mục		
	6000: Lương ngạch bậc, chức vụ	2.389.679.593	2.389.679.593
	6001: Lương ngạch bậc, chức vụ	2.389.679.593	2.389.679.593
	6003: Lương hợp đồng theo chế độ	-	-
	6050: Tiền lương, tiền công	-	-
	6051: Tiền công theo hợp đồng	-	-
	6099: Tiền công khác	-	-
	6100: Phụ cấp lương	1.579.239.591	1.579.239.591
	6101: Phụ cấp chức vụ	34.562.744	34.562.744
	6105: Phụ cấp làm thêm giờ	433.771.831	433.771.831
	6107: Phụ cấp độc hại	5.626.000	5.626.000
	6112: Phụ cấp ưu đãi	719.501.205	719.501.205
	6113: Phụ cấp trách nhiệm	15.306.000	15.306.000
	6115: Phụ cấp thâm niên	370.471.811	370.471.811
	6200: Khen thưởng	20.562.000	20.562.000
	6201: Thưởng thường xuyên	20.562.000	20.562.000
	6250: Chi khác	6.829.000	6.829.000
	6299: Chi khác	6.829.000	6.829.000
	6300: Bảo hiểm xã hội	708.428.453	708.428.453
	6301: Bảo hiểm xã hội	525.439.944	525.439.944
	6302: Bảo hiểm y tế	92.913.077	92.913.077
	6303: Kinh phí công đoàn	60.050.277	60.050.277
	6304: Bảo hiểm thất nghiệp	30.025.155	30.025.155
	6400: Chi thanh toán cá nhân	80.058.600	80.058.600
	6449: Chi khác	80.058.600	80.058.600
	6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	59.621.604	59.621.604
	6501: Tiền điện	59.621.604	59.621.604
	6502: Tiền nước	-	-
	6503: Tiền nhiên liệu	-	-

6550: Vật tư văn phòng	21.755.000	21.755.000
6551: Văn phòng phẩm	12.795.000	12.795.000
6552: Công cụ, dụng cụ	-	-
6599: Vật tư văn phòng khác	8.960.000	8.960.000
6600: Thông tin tuyên truyền	37.033.999	37.033.999
6601: Phí điện thoại	843.999	843.999
6605: Phí internet	8.856.000	8.856.000
6608: Phim ảnh	13.646.000	13.646.000
6618: Khoản điện thoại	6.200.000	6.200.000
6649: Khác	7.488.000	7.488.000
6700: Công tác phí	39.816.000	39.816.000
6702: Phụ cấp công tác phí	6.616.000	6.616.000
6704: Khoản công tác phí	33.200.000	33.200.000
6750: Chi phí thuê mướn	381.873.775	381.873.775
6757: Thuê lao động trong nước	257.258.400	257.258.400
6758: Thuê đào tạo cán bộ	124.615.375	124.615.375
6799: Thuê mướn khác	-	-
6900: Sửa chữa nhỏ TSCĐ	8.620.000	11.968.930
6912: Thiết bị công nghệ thông tin	8.620.000	8.940.000
6921: Đường điện, cấp thoát nước	-	3.028.930
6949: Các tài sản khác	-	-
6954: Tài sản và thiết bị chuyển dùng	-	-
7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn ngành	81.189.316	81.189.316
7001: Chi hàng hóa vật tư	15.214.716	15.214.716
7004: Đồng phục, trang phục	7.100.000	7.100.000
7049: Chi khác	15.678.600	15.678.600
7012: Chi chuyên môn	43.196.000	43.196.000
7050: Mua sắm tài sản vô hình	25.200.000	25.200.000
7053: Bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	25.200.000	25.200.000
7950: Trích lập quỹ	1.035.136.887	1.035.136.887
7951: Chi lập quỹ bổ sung thu nhập	755.649.928	755.649.928
7952: Chi lập quỹ phúc lợi	207.027.377	207.027.377
7953: Chi lập quỹ khen thưởng	-	-
7954: Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	72.459.582	72.459.582
8000: Chi hỗ trợ khác	130.422.084	130.422.084
8048: Chi hỗ trợ khác	130.422.084	130.422.084
NGUỒN 12	1.047.738.000	1.047.738.000
6100: Phụ cấp lương	4.508.000	4.508.000
6103: Phụ cấp thu hút	5.400.000	5.400.000
6105: Phụ cấp thêm giờ	-	-
6112: Phụ cấp ưu đãi	4.508.000	4.508.000
6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh	24.140.000	24.140.000

6156: Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	13.050.000	13.050.000
6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	9.200.000	9.200.000
6199: Các khoản hỗ trợ khác	1.890.000	1.890.000
6400: Chi thanh toán cá nhân	476.600.000	476.600.000
6449: Chi khác	476.600.000	476.600.000
6900: Sửa chữa nhỏ TSCĐ	30.000.000	30.000.000
6907: Nhà cửa	30.000.000	30.000.000
7750: các khoản phí, lệ phí	512.490.000	512.490.000
7766: Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục theo chế độ	512.490.000	512.490.000
NGUỒN 14	1.690.533.972	1.690.533.972
6000: Lương ngạch bậc, chức vụ	552.983.708	552.983.708
6001: Lương ngạch bậc, chức vụ	552.983.708	552.983.708
6100: Phụ cấp lương	261.903.156	261.903.156
6101: Phụ cấp chức vụ	7.997.990	7.997.990
6107: Phụ cấp độc hại	-	-
6112: Phụ cấp ưu đãi	166.496.146	166.496.146
6113: Phụ cấp trách nhiệm	1.680.000	1.680.000
6115: Phụ cấp thâm niên	85.729.020	85.729.020
6149: Phụ cấp khác	-	-
6300: Bảo hiểm xã hội	150.872.377	150.872.377
6301: Bảo hiểm xã hội	112.386.380	112.386.380
6302: Bảo hiểm y tế	19.266.237	19.266.237
6303: Kinh phí công đoàn	12.797.683	12.797.683
6304: Bảo hiểm thất nghiệp	6.422.077	6.422.077
6400: Chi thanh toán cá nhân	724.774.731	724.774.731
6449: Chi khác	724.774.731	724.774.731
NGUỒN 14 - Không thường xuyên	2.108.759.868	2.108.759.868
6400: Chi thanh toán cá nhân	2.108.759.868	2.108.759.868
6449: Chi khác	2.108.759.868	2.108.759.868

Kế toán

Võ Minh Phượng

Ngày 02 tháng 8 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Trần Lê Phương Bình

Số: 178/KH-THCSHP

Cù Chi, ngày 01 tháng 08 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện công khai năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường Trung học cơ sở Hòa Phú xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2023-2024 như sau:

I. MỤC TIÊU THỰC HIỆN CÔNG KHAI:

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CÔNG KHAI:

1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.
2. Thông tin được công khai phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Đính kèm Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt



ngiệp, được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/ học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Đính kèm Biểu mẫu 10).

c) Xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia:

Công khai Quyết định số 1204-12/QĐ-SGDĐT ngày 11/05/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về công nhận trường Trung học cơ sở Hòa Phú đạt Chuẩn quốc gia Mức 1.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục:

Công khai Quyết định thành lập Hội đồng, kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá và Công khai Quyết định số 1042-28/QĐ-SGDĐT ngày 27/04/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về công nhận trường Trung học cơ sở Hòa Phú đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Đính kèm Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

(Đính kèm Biểu mẫu 12).

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường Trung học cơ sở Hòa Phú công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022, 2023.
- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022, 2023
- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn NSNN năm 2022, 2023.
- Thông báo công khai danh sách học sinh được trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024 (kèm theo danh sách).

b) Các khoản chi theo từng năm học:

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị;

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội;

d) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và cả khóa học.

e) Các nguồn thu ngoài học phí:

Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

f) Chính sách học bổng (không có).

3. Công khai tài sản thu nhập cá nhân:

a) Đối tượng công khai: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

b) Hình thức công khai: Tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, gửi báo cáo cho Phòng Nội vụ tham mưu UBND huyện phê duyệt và tổ chức niêm yết tại trường, trong phiên họp toàn thể nhà trường.

c) Thời điểm công khai: tháng 12/2023.

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết thông báo.

- Công khai trên phạm vi toàn thể phụ huynh, nhân dân, cán bộ viên chức, học sinh... bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường theo WebSite: <https://theshoaphu.hcm.edu.vn>;

- Công khai trong các kỳ họp cha mẹ học sinh.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 8) hoặc khi có thông tin mới hoặc thay đổi nội dung liên quan:

- Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ ngày 01/08/2023.

- Riêng quyết toán thu chi tài chính 2022 thông báo và đăng tải ngay sau khi có kết luận của UBND huyện.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 8 năm 2023) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

- Kê khai tài sản thu nhập cá nhân của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: tháng 12/2023.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng:

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định tại Thông tư 36. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022-2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2023-2024 cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên website của nhà trường.

2. Trách nhiệm của Phó Hiệu trưởng:

- Công khai thống kê kết quả xếp loại học sinh cuối kỳ 1, cuối kỳ 2 và cả năm, kết quả kiểm tra lại.

- Thời điểm công khai: sau mỗi đợt xét duyệt kết quả.

- Đối tượng công khai: Toàn thể nhà trường, học sinh; cha mẹ học sinh.

- Hình thức công khai: niêm yết, đăng tin trên website.

3. Phụ trách Kế toán:

a) Cập nhật chính xác thông tin, số liệu các biểu:

- Công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường.

- Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu tài chính.

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học (căn cứ thu, mục đích thu, đối tượng thu, mức thu, nội dung chi).

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

b) Hình thức: niêm yết tại trường, họp cha mẹ học sinh (đối với học phí và các khoản thu khác từ người học, chính sách miễn, giảm học phí đối với học sinh).

c) Thời điểm công khai: Hàng tháng, hàng quý.

d) Đối tượng công khai: Toàn thể nhà trường; học sinh; cha mẹ học sinh.

4. Trách nhiệm của Ban Thanh tra nhân dân:

- Giám sát các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.



- Lập biên bản giám sát và lưu trong hồ sơ của Ban Thanh tra nhân dân.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2023-2024 của Trường Trung học cơ sở Hòa Phú.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- Toàn thể CB, GV, NV;
- Niêm yết;
- Đăng website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Phương Bình